

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền
địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 608/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Nghị quyết này được thực hiện trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025 và bãi bỏ Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 Ban hành quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020; Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 8 Điều 16 Quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của khoản 5 Điều 16 Quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số

24/2020/NQ-HĐND ngày 18/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020 và Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bổ sung một số nội dung của khoản 5 Điều 16 Quy định về phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2021 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XIX, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./. 

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khoá XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc



QUY ĐỊNH
Phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang
giai đoạn 2022 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 47/2021/NQ- HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chi tiết phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025.
2. Các nội dung khác liên quan đến quản lý ngân sách thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện), các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Ngân sách nhà nước (NSNN).

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp ngân sách các cấp chính quyền

1. Phân cấp nguồn thu:
 - a) Đảm bảo đúng theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật; phù hợp, đồng bộ với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, tổ chức bộ máy đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.
 - b) Phân cấp thu ngân sách gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý nguồn thu của từng cấp; tăng cường khai thác nguồn thu và chống thất thu của chính quyền mỗi cấp; hạn chế phân chia nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp. Phân cấp tối đa nguồn thu thuộc cấp chính quyền quản lý trên địa bàn để có nguồn tài chính bảo đảm nhiệm vụ chi được giao, hạn chế bổ sung từ ngân sách cấp trên.
 - c) Ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo để thực hiện các chủ trương lớn, các nhiệm vụ quan trọng như: tập trung vốn đầu tư phát triển cho hạ tầng kinh tế - xã hội, thực hiện các chính sách quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đồng thời có khả năng điều hoà nguồn lực tài chính ngân sách trên địa bàn tỉnh.

2. Phân cấp nhiệm vụ chi:

a) Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương theo quy định của pháp luật và phù hợp với đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư của từng vùng và trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tính hiệu quả.

b) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện các chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp đảm bảo nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp;

c) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình, thì phải phân bổ và chuyển kinh phí cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ chi đó; cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

d) Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

3. Các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu hằng năm phần ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với số tăng thu so với dự toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN.

Trường hợp đặc biệt các huyện, thành phố có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách huyện, thành phố tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp tỉnh. Căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành quyết định thu về ngân sách cấp tỉnh số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp các huyện, thành phố hụt thu so với dự toán cấp trên giao do nguyên nhân khách quan, sau khi đã điều chỉnh giảm một số khoản chi và sử dụng hết các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì ngân sách tỉnh hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách tỉnh.

5. Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung kinh phí ngân sách các cấp cho các đơn vị dự toán cùng cấp và ngân sách cấp dưới:

a) Đối với nguồn tăng thu tiết kiệm chi so với dự toán ngân sách được giao: UBND các cấp lập phương án sử dụng báo cáo Thường trực HĐND quyết định và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

b) Đối với nguồn dự phòng ngân sách các cấp: UBND các cấp quyết định sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình, định kỳ báo cáo Thường trực HĐND và báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

c) Đối với các nguồn kinh phí còn lại: Do UBND các cấp quyết định sau khi thống nhất với Thường trực HĐND cùng cấp.

Điều 4. Trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc sử dụng ngân sách theo phân cấp

1. Mỗi cấp chính quyền có nhiệm vụ, thẩm quyền và chủ động trong tổ chức quản lý thu, chi ngân sách theo phân cấp, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của từng cấp trong việc khai thác, huy động các nguồn thu hợp pháp, huy động đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật để tăng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, phục vụ dân sinh trên địa bàn.

2. Chính quyền các cấp thuộc tỉnh sử dụng ngân sách thông qua các hoạt động thu, chi ngân sách để thực hiện chức năng nhiệm vụ của cấp mình theo phân cấp quản lý ngân sách. Mọi khoản thu, chi ngân sách các cấp đều phải phản ánh vào NSNN thông qua hoạt động của Kho bạc nhà nước.

Phân cấp ngân sách để thực hiện đẩy nhanh cải cách hành chính trong quản lý tài chính ngân sách, phù hợp, đồng bộ với cải cách bộ máy hành chính các cấp.

Điều 5. Thời hạn gửi báo cáo và phê chuẩn quyết toán ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách các cấp chính quyền địa phương:

a) UBND cấp xã gửi báo cáo quyết toán ngân sách cấp xã đến Thường trực HĐND xã, đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp chậm nhất ngày 15/2 năm sau.

b) UBND cấp huyện gửi báo cáo quyết toán ngân sách huyện (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) đến các Ban của HĐND huyện, đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp chậm nhất ngày 15/4 năm sau.

c) UBND cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đến các Ban của HĐND tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 01/10 năm sau.

2. Thời gian phê chuẩn quyết toán ngân sách các cấp chính quyền địa phương

a) HĐND cấp xã xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã chậm nhất là 7 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.

b) HĐND cấp huyện xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) chậm nhất là 7 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.

c) HĐND cấp tỉnh xem xét, phê chuẩn quyết toán địa phương chậm nhất là 12 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

1. Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản; thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân).
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả doanh nghiệp đã chuyển đổi hình thức sở hữu), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập thuộc cấp tỉnh quản lý sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.
3. Thu nhập sau thuế thu nhập.
4. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời đối với giấy phép do Trung ương cấp (phần địa phương được hưởng 30%).
5. Thuế tài nguyên của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
6. Thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu) của các doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả các doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi hình thức sở hữu), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập thuộc cấp tỉnh quản lý.
7. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước (bao gồm tiền chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt) của các doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả các doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi hình thức sở hữu) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
8. Thuế bảo vệ môi trường (không bao gồm thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu).
9. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện (không bao gồm phí bảo vệ môi trường có quy định riêng), trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định của pháp luật có liên quan.

10. Các khoản lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu (không bao gồm lệ phí trước bạ; lệ phí môn bài).

11. Thu từ bán, khai thác và cho thuê tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu, đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

12. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

13. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp nhà nước (kể cả các doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi hình thức sở hữu) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

14. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh (không bao gồm các hạt kiểm lâm có trụ sở đóng trên địa bàn huyện) thực hiện xử phạt, tịch thu.

15. Thu từ các hoạt động xổ số kiến thiết.

16. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

17. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu.

18. Ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư là tổ chức đã ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB); ghi thu giá trị tài sản công thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

19. Khoản thu tiền chậm nộp do Cục thuế quản lý thu và khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng.

20. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

21. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh.

22. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện.

23. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

24. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp tỉnh.

25. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.
26. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.
27. Thu từ các khoản hoàn trả của ngân sách cấp dưới.
28. Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

- a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án do cấp tỉnh quản lý.
- b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề:

Các trường trung học phổ thông, trung học phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, phổ thông dân tộc nội trú huyện Lục Ngạn, phổ thông dân tộc nội trú huyện Sơn Động, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, cấp huyện và các hoạt động giáo dục khác thuộc tỉnh quản lý.

Các hoạt động sự nghiệp đào tạo của các đơn vị: Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự, trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn, trường Chính trị tỉnh, trường Trung cấp văn hóa, thể thao và du lịch, trường Trung cấp nghề Miền núi Yên Thế; một số nhiệm vụ đào tạo của các ngành theo các chương trình và đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công tác đào tạo, đào tạo lại đối với cán bộ, công chức theo kế hoạch đào tạo của tỉnh.

Hoạt động đào tạo khác thuộc tỉnh quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học – công nghệ: Nghiên cứu khoa học và công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ khác.

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

Công tác phòng bệnh, công tác chữa bệnh; công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe cán bộ; chi cho công tác điều dưỡng và phục hồi chức năng và các hoạt động y tế khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

Thực hiện nhiệm vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế (BHYT) cho các đối tượng (trừ các đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Quy định này): Người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; hộ cận nghèo; học sinh, sinh viên; hộ nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình; trẻ em dưới 6 tuổi; người hiến bộ phận cơ thể người.

d) Các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hoá khác do cấp tỉnh quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh - truyền hình và các hoạt động thông tin khác cấp tỉnh quản lý.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh, quản lý các cơ sở thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do cấp tỉnh quản lý.

h) Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Bảo hiểm xã hội tự nguyện; Các trại xã hội, cứu tế xã hội, phòng, chống các tệ nạn xã hội, thực hiện các chính sách xã hội, quà tặng cho đối tượng người có công với cách mạng và các hoạt động xã hội khác do cấp tỉnh quản lý.

i) Các sự nghiệp kinh tế, môi trường do các cơ quan cấp tỉnh quản lý:

Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường.

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm, trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chi khoán nuôi, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Sự nghiệp tài nguyên: Điều tra cơ bản; đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính; các hoạt động sự nghiệp địa chính khác.

Các hoạt động về môi trường.

Lĩnh vực quy hoạch; thương mại, du lịch.

Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác.

k) Chi quản lý hành chính

Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh.

Hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân.

l) Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả gốc, lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

7. Ghi chi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB) nhà đầu tư là tổ chức đã ứng trước được trừ vào tiền thuê đất, sử dụng đất; ghi chi giá trị tài sản công thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

Điều 8. Nguồn thu ngân sách cấp huyện

Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%:

1. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện và doanh nghiệp ngoài quốc doanh thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu (không bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải có quy định riêng; lệ phí trước bạ; lệ phí môn bài).

3. Ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhà đầu tư là hộ gia đình, cá nhân đã ứng trước tiền bồi thường GPMB.

4. Thuế thu nhập doanh nghiệp của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập thuộc cấp huyện quản lý sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.

5. Thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu) của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập thuộc cấp huyện quản lý.

6. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp huyện và các hạt kiểm lâm có trụ sở đóng trên địa bàn huyện thực hiện xử phạt, tịch thu.

7. Thu từ bán, khai thác và cho thuê tài sản nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện quản lý.

8. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật

9. Khoản thu tiền chậm nộp do Chi cục thuế quản lý thu.

10. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật.

11. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng cho ngân sách cấp huyện.

12. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện.

13. Thuế sử dụng đất nông nghiệp (không bao gồm thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình).

14. Thuế tài nguyên từ các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần, hợp tác xã (HTX) và các hộ sản xuất kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện.

15. Thu nhập từ vốn góp của ngân sách cấp huyện, tiền thu hồi vốn của ngân sách cấp huyện tại các cơ sở kinh tế.

16. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, HTX và các hộ sản xuất kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện.

17. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp huyện.

18. Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

19. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

20. Thu từ các khoản hoàn trả của ngân sách cấp dưới.

21. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản do cấp huyện quản lý;

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, bổ túc văn hoá, phổ thông dân tộc nội trú huyện Lục Nam, phổ thông dân tộc nội trú huyện Yên Thế, trung tâm bồi dưỡng chính trị và các hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo khác do cấp huyện quản lý.

b) Chi ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

c) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: hỗ trợ các hoạt động phòng bệnh, hoạt động thuộc lĩnh vực y tế; hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng: cựu chiến binh; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước; người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; các đối tượng bảo trợ xã hội.

d) Chi cho công tác quân sự địa phương: Chi cho các hoạt động do cơ quan quân sự cấp trên phân cấp như: xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ; tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên; tổ chức hoạt động lực lượng dân quân tự vệ do huyện quản lý; Tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; đảm bảo công tác động viên công nghiệp tại huyện và các nhiệm vụ quốc phòng thường xuyên khác theo phân cấp.

đ) Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Thực hiện các nhiệm vụ về công tác an ninh trật tự và an toàn xã hội do ngân sách cấp huyện đảm bảo theo quy định.

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa thông tin cấp huyện quản lý.

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: Chi các hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình cấp huyện quản lý (kể cả chi trả chế độ nhuận bút theo quy định; chi duy tu, bảo dưỡng thiết bị phát thanh hằng năm).

h) Sự nghiệp thể dục thể thao: Chi các hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao cấp huyện quản lý.

i) Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Chi thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, thực hiện chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật; chi cứu trợ xã hội, chi chương trình phòng chống tội phạm, ma túy, mại dâm; trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; trợ cấp một lần cho đối tượng tham gia kháng chiến được tặng bằng khen theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh; chi trợ cấp đối tượng chính sách khác; hỗ trợ hỏa táng, điện táng; mai táng phí.

k) Các sự nghiệp kinh tế, môi trường do các cơ quan cấp huyện quản lý:

Sự nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông.

Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông đô thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

Sự nghiệp tài nguyên và môi trường: Quan trắc, phân tích, điều tra, đánh tác động môi trường trên địa bàn theo phân cấp; công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và các nhiệm vụ khác liên quan đến bảo vệ môi trường theo phân cấp.

Các sự nghiệp kinh tế, môi trường khác theo quy định.

l) Chi quản lý hành chính: Hoạt động của các cơ quan nhà nước; hoạt động của các cơ quan Đảng cấp huyện; hoạt động của 5 (năm) tổ chức Chính trị - Xã hội huyện: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân; chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và các hoạt động quản lý hành chính khác theo quy định của pháp luật do huyện quản lý. Chi mua và đọc báo, tạp chí của Đảng đối với đảng viên 50 năm tuổi đảng, là cán bộ, sỹ quan cao cấp trong lực lượng vũ trang nghỉ hưu trên địa bàn các huyện, thành phố theo Chi thị số 11-CT/TW ngày 28/12/1996 của Bộ Chính trị về mua và đọc báo, tạp chí của Đảng.

m) Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật.

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã.

4. Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

5. Ghi chi tiền bồi thường GPMB nhà đầu tư là hộ gia đình, cá nhân đã ứng trước được trừ vào tiền thuê đất, sử dụng đất.

Điều 10. Nguồn thu ngân sách cấp xã

Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

1. Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện.

2. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

3. Các khoản huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo pháp luật quy định, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do HĐND xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác.

4. Tiền đền bù thiệt hại đất theo quy định của pháp luật. Trong đó yêu cầu cấp xã dành tối thiểu 50% nguồn thu này để chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

6. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác.

7. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã theo quy định của pháp luật.

8. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

9. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.

10. Thu từ bán, khai thác và cho thuê tài sản nhà nước thuộc cấp xã quản lý.

11. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp xã.

12. Thu kết dư ngân sách năm trước.

13. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

14. Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản do cấp xã quản lý;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do HĐND xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;

2. Chi thường xuyên

- a) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp xã;
- b) Chi hoạt động của các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam cấp xã;
- c) Chi hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội cấp xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân;

d) Đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH), BHYT cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định;

đ) Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

Chi huấn luyện dân quân tự vệ và các phụ cấp huy động dân quân tự vệ, các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Pháp luật;

Chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

Chi cho công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã;

Các khoản chi khác theo chế độ quy định.

e) Chi công tác xã hội và hoạt động văn hoá, thông tin, truyền thanh, thể dục thể thao xã quản lý:

Chi công tác xã hội: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc theo Quyết định số 130 - CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ về bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã và Quyết định số 111 - HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ 01/01/1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi); thăm hỏi các gia đình chính sách, chi cứu tế xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, tặng quà cho người cao tuổi; thăm hỏi đột xuất các gia đình chính sách và công tác xã hội khác của xã, phường, thị trấn.

Chi các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thanh, thể dục thể thao cấp xã quản lý.

g) Hỗ trợ các lớp bồi túc văn hoá, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, kể cả trợ cấp cho giáo viên mẫu giáo và cô nuôi dạy trẻ do xã quản lý (riêng phường do ngân sách thành phố chi), trung tâm học tập cộng đồng; hỗ trợ các hoạt động giáo dục trên địa bàn theo quy định.

h) Hỗ trợ công tác triển khai phối hợp phòng chống dịch bệnh và công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực y tế. Chi công tác truyền thông dân số, công tác triển khai, vận động và chăm sóc các đối tượng thực hiện các biện pháp về dân số kế hoạch hóa gia đình.

i) Chi sửa chữa cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng do xã quản lý: Trường học, trạm y tế, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà văn hoá, thư viện, đài tưởng niệm, cơ sở thể dục, thể thao, cầu, đường giao thông, công trình cấp thoát nước công cộng,...; hỗ trợ điện chiếu sáng đường làng, ngõ xóm đối với các thôn, khu phố. Riêng đối với phường do ngân sách thành phố chi.

k) Hỗ trợ khuyến khích các sự nghiệp kinh tế: khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo chế độ-quy định.

l) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ môi trường theo phân cấp.

m) Chi phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở xã và thôn, bản, tổ dân phố theo quy định của UBND tỉnh và các hỗ trợ khác cho hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố.

n) Chi thường xuyên khác ở cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Chương III

TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 12. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã

1. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, HTX và các hộ.

2. Thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ.

3. Thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

4. Lệ phí trước bạ.

5. Tiền sử dụng đất, kể cả kết quả đấu giá quyền sử dụng đất.

6. Lệ phí môn bài.

7. Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản.

8. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời đối với Giấy phép do UBND tỉnh cấp phép.

9. Đối với thu phí bảo vệ môi trường (phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải); tỷ lệ điều tiết thực hiện theo các quy định hiện hành của HĐND tỉnh.

Điều 13. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

Đơn vị: %

STT	Nội dung	Thành phố Bắc Giang			09 huyện còn lại		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố	NS xã, phường	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, thị trấn
1	Tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, HTX và các hộ						
a)	Tiền thuê mặt đất, mặt nước thu một lần cho cả thời gian thuê	70	30		70	30	
b)	Tiền thuê mặt đất, mặt nước hàng năm		100			100	
c)	Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất... từ tiền thuê đất, cấp nào thực hiện được phản ánh vào ngân sách cấp đó 100%.						
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh						
a)	Thuế GTGT, thuế TNDN của các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ		100			100	
b)	Thuế GTGT từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ						
	Thu trên địa bàn phường, thị trấn		80	20		30	70
	Thu trên địa bàn xã		10	90			100
c)	Thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ						
	Thu trên địa bàn phường, thị trấn		80	20		30	70

STT	Nội dung	Thành phố Bắc Giang			09 huyện còn lại		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố	NS xã, phường	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, thị trấn
	Thu trên địa bàn xã		10	90			100
3	Lệ phí trước bạ						
a)	Đối với ô tô, tàu thuyền, xe máy, tài sản khác		100			100	
b)	Đối với nhà đất		70	30		50	50
4	Thu tiền sử dụng đất						
a)	Đối với khoản thu từ đầu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, cơ quan Đảng, đoàn thể, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý và thu hồi từ các tổ chức, cá nhân thuê đất trên địa bàn tỉnh						
	Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh	100			100		
	Thuộc thẩm quyền cấp huyện		100			100	
	Thuộc thẩm quyền cấp xã			100			100
b)	Đối với thu tiền sử dụng đất của các dự án khu đô thị, khu dân cư được đầu tư từ nguồn vốn NSNN						
	Đối với Thành phố Bắc Giang,	40	60	0			
	Đối với các huyện huyện Việt Yên, Lạng				30	60	10

STT	Nội dung	Thành phố Bắc Giang			09 huyện còn lại		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố	NS xã, phường	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, thị trấn
	Giang, Yên Dũng.						
	Đối với các huyện Hiệp Hòa, Tân Yên, Lục Nam.				20	70	10
	Đối với các huyện Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế.				10	80	10
c)	Đối với thu tiền sử dụng đất của các dự án khu đô thị, khu dân cư,... được đầu tư từ nguồn vốn ngoài NSNN						
	Đối với Thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên						
	Thu trên địa bàn phường	50	50				
	Thu trên địa bàn xã, thị trấn	50	50	0	50	40	10
	Đối với các huyện Lạng Giang, Yên Dũng				40	50	10
	Đối với các huyện Hiệp Hòa, Tân Yên, Lục Nam				30	60	10
	Đối với các huyện Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế.				20	70	10
d	Đối với giá trị tối thiểu nhà đầu tư phải cam kết nộp NSNN không điều kiện (M_3), thực hiện điều tiết như điểm c khoản 4 điều này						
5	Lệ phí môn bài						
a)	Thu trên địa bàn phường, thị trấn		90	10			100

STT	Nội dung	Thành phố Bắc Giang			09 huyện còn lại		
		NS cấp tỉnh	NS thành phố	NS xã, phường	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã, thị trấn
b)	Thu trên địa bàn xã		10	90			100
6	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời đối với Giấy phép do UBND tỉnh cấp phép		60	40		60	40
7	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng từ bất động sản		70	30		50	50

Đối với điểm b, điểm c khoản 4: Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách cấp tỉnh đã bao gồm trích lập quỹ phát triển đất (mức trích cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định). Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách cấp huyện đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định hoặc được cấp có thẩm quyền quyết định (nếu có) và kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính (hàng năm, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, mức trích cụ thể do UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp quyết định theo quy định).